

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01/2023/KDTM-ST**

Ngày: 17 - 3 - 2023.

V/v Tranh chấp hợp đồng đại lý mua bán
hàng hoá

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Chị Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Chị Phạm Hồng Gái

**** Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thành Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang:*** Ông Bùi Đức Mậu - Viện kiểm sát huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 17 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2021/TLST-KDTM ngày 08 tháng 03 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng đại lý mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-KDTM ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

II. Những người tham gia phiên hòa giải:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ N.

Địa chỉ: 21-22-23 Lô E, đường 12, khu công nghiệp L, xã T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông S, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1993 (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2022)

Địa chỉ: Số 955, đường T, phường T, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Ngô Thị Ngọc M, sinh năm 1983 - đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H (vắng mặt).

Anh Đỗ Quý H, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn đại diện Công ty cổ phần sản xuất thương mại N trình bày:

Ngày 01/01/2017, Công ty cổ phần sản xuất thương mại N và hộ kinh doanh Đỗ Quý H do chị Ngô Thị Ngọc M làm đại diện có ký kết hợp đồng đại lý mua bán hàng hóa, theo đó hộ kinh doanh Đỗ Quý H làm đại lý tiêu thụ hàng hóa, phân bón thuốc bảo vệ thực vật. Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ kinh doanh Đỗ Quý H nợ Công ty cổ phần sản xuất thương mại N số tiền 319.846.384 đồng. Qua nhiều lần đòi nợ nhưng hộ kinh doanh Đỗ Quý H không thanh toán nên Công ty cổ phần sản xuất thương mại N khởi kiện buộc chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H và anh Đỗ Quý H phải thanh toán cho Công ty số tiền 319.846.384 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày Tòa án thụ lý đến ngày Tòa án xét xử.

2. Chị Ngô Thị Ngọc M và anh Đỗ Quý H trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M và anh Đỗ Quý H nhưng chị M, anh H vắng mặt, không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án.

- *Tại phiên tòa*, nguyên đơn Công ty giữ nguyên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Ngô Thị Ngọc M và ông Đỗ Quý H phải thanh toán cho Công ty số tiền 319.846.384 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày Tòa án thụ lý cho đến ngày xét xử.

Bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H và anh Đỗ Quý H vắng mặt, không có lý do nên không có trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, tại phiên toà xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Việc cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng nhìn chung đã thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình như cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chấp hành các văn bản tố tụng của Toà án theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ N buộc bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M và anh Đỗ Quý H phải trả cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ N số tiền gốc 319.846.384 đồng và tiền lãi (từ ngày thụ lý 08/3/2021 đến ngày xét xử ngày 17/3/2023) với số tiền là 64.764.000 đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi 384.611.000 đồng. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử buộc các đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H và anh Đỗ Quý H vắng mặt, không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M và anh Đỗ Quý H.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N khởi kiện tranh chấp hợp đồng đại lý mua bán hàng hoá với chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H theo Hợp đồng đại lý mua bán hàng hoá số 189/2017/HĐĐL-NT ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên quan hệ pháp luật được xác định là: “*Tranh chấp hợp đồng đại lý mua bán hàng hoá*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 166, 167, 168 của Luật thương mại năm 2005.

Do bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M đại diện Hộ kinh doanh Đỗ Quý H và anh Đỗ Quý H có nơi cư trú tại xã M Hiệp Sơn, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Tại Công văn số 03/CV-TA và Công văn số 04/CV-TA cùng ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H đã thực hiện thủ tục tố tụng tổng đạt Thông báo cho bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H và anh Đỗ Quý H về việc nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện. Đồng thời, theo yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N thì Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H và anh Đỗ Quý H phải thanh toán cho Công ty số tiền gốc là 319.846.384 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày Tòa án thụ lý đến khi Tòa án xét xử. Tuy nhiên, bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H và anh Đỗ Quý H đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình thông qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N yêu cầu bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H và anh Đỗ Quý H phải thanh toán cho Công ty số tiền gốc là 319.846.384 đồng và lãi theo mức lãi suất quy định pháp luật từ ngày Tòa án thụ lý đến khi xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có cơ sở xác định nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N với bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H có ký hợp đồng đại lý mua bán hàng hoá số 189/2017/HĐĐL-NT ngày 01 tháng 01 năm 2017 với nội dung: Công ty cổ phần sản xuất thương mại N đồng ý nhận chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh

Đỗ Quý H làm đại lý tiêu thụ sản phẩm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật do bên Công ty sản xuất, phân phối.

Mặc dù, hợp đồng đại lý chỉ được ký kết giữa Công ty với chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H. Tuy nhiên, tại thời điểm chị M đại diện hộ kinh doanh ký hợp đồng đại lý với Công ty thì chị M với anh H là vợ chồng. Đồng thời, tại Bản đối cH công nợ đề ngày 18 tháng 7 năm 2018 giữa Công ty cổ phần sản xuất thương mại N thì chị Ngô Thị Ngọc M và anh Đỗ Quý H đã trực tiếp ký và xác nhận còn nợ Công ty số tiền gốc là 319.846.384 đồng. Cho nên, căn cứ Điều 172, Điều 175 của Luật thương mại năm 2005 và khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Công ty khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh và anh Đỗ Quý H trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo Hợp đồng đại lý mua bán hàng hoá số 189/2017/HĐĐL-NT ngày 01 tháng 01 năm 2017 và Bản đối cH công nợ ngày 18/7/2018 là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3.3]. Công ty cổ phần sản xuất thương mại N yêu cầu bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H và anh Đỗ Quý H phải thanh toán lãi đối với số tiền gốc 319.846.384 đồng theo mức lãi suất quy định pháp luật từ ngày thụ lý (08/03/2021) đến ngày Toà án xét xử (ngày 17/03/2023), Hội đồng xét xử, xét thấy:

Căn cứ Điều 7 của Hợp đồng đại lý số 189/2017/HĐĐL-NT ngày 01 tháng 01 năm 2017 hai bên có thoả thuận quá thời hạn thanh toán, số tiền còn nợ của bên B thì bên B phải chịu chi phí lãi theo quy định do chậm thực hiện nghĩa vụ nhưng hai bên không thoả thuận mức lãi suất. Mặc dù vậy, tại mục 3.5 Điều 3 của phụ lục hợp đồng đại lý số 01-189/2017/PL.HĐĐL-NT ngày 01 tháng 01 năm 2017, hai bên thoả thuận phạt thanh toán trễ hạn, nếu bên mua thanh toán trễ hạn công nợ thì phải chịu lãi 1,5%/tháng. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M và anh Đỗ Quý H trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm.

Xét thấy, yêu cầu lãi của nguyên đơn Công ty là 10%/năm là thấp hơn lãi suất do các bên thoả thuận (1,5%/tháng, tương đương 18%/năm). Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên

có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó, số tiền lãi từ ngày thụ lý (08/03/2021) đến ngày Toà án xét xử (ngày 17/03/2023) là 739 ngày, với số tiền lãi cụ thể như sau: $(319.846.384 \text{ đồng} \times 0,274\% \times 739 \text{ ngày}) = 64.764.000 \text{ đồng}$.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M - đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H và ông Đỗ Quý H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là: $(319.846.384 \text{ đồng} + 64.764.000 \text{ đồng}) = 384.611.000 \text{ đồng} \times 5\% = 19.231.000 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại N số tiền tạm ứng án phí 7.796.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001414 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[5]. Chi phí tố tụng khác: Chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 191 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 1.500.000 đồng và biên lai thu tiền số 81 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Công ty cổ phần thông tin truyền thông công lý với số tiền 1.500.000 đồng. Do nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N yêu cầu nên căn cứ Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N phải chịu, Công ty đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 166, 167, 168, 172, 175 của Luật thương mại năm 2005;

Áp dụng các điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 27, 30 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N với bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M đại diện hộ kinh doanh Đỗ Quý H và anh Đỗ Quý H về việc tranh chấp hợp đồng đại lý mua bán hàng hoá.

2. Buộc bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M và anh Đỗ Quý H phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N số tiền gốc 319.846.384 đồng và tiền lãi 64.764.000 đồng, tổng cộng số tiền gốc và lãi 384.611.000 đồng (*bằng chữ: Ba trăm tám mươi bốn triệu, sáu trăm mười một nghìn đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M và anh Đỗ Quý H không trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn chị Ngô Thị Ngọc M và anh Đỗ Quý H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 19.231.000 đồng (*bằng chữ: Mười chín triệu hai trăm ba mươi một nghìn đồng*).

- Nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N không phải chịu án phí, hoàn trả cho Công ty cổ phần sản xuất thương mại N số tiền tạm ứng án phí là 7.796.000 đồng (*bằng chữ: Bảy triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001414 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

4. Chi phí tố tụng khác: Chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 3.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 191 ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Chi nhánh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông tại thành phố H với số tiền 1.500.000 đồng và biên lai thu tiền số 81 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Công ty cổ phần thông tin truyền thông công lý với số tiền 1.500.000 đồng. Do nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N yêu cầu nên nguyên đơn Công ty cổ phần sản xuất thương mại N phải chịu, Công ty đã nộp xong nên không phải nộp thêm.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng chị Ngô Thị Ngọc M và anh Đỗ Quý H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KG.
- VKS huyện;
- Cục T.H.A DS huyện;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tú Quỳnh

